

NHỮNG CUỘC ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ TIÊU BIỂU Ở ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 1954-1965

Đinh Thị Kim Ngân

Viện KHXH Vùng Trung Bộ - Viện Hàn Lâm KHXH Việt Nam

Tóm tắt: Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 -1975), đấu tranh chính trị ở đô thị Đà Nẵng diễn ra hết sức sôi nổi, quyết liệt và liên tục; là mũi tiến công sắc bén, công phá chính ngay chính sào huyệt của đối phương, góp phần quật đổ các chính quyền Sài Gòn, từ chính quyền Ngô Đình Diệm đến chính quyền Nguyễn Văn Thiệu,... Trên thực tế, phong trào đô thị Đà Nẵng (1954 - 1965) có những đóng góp to lớn vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; là nét đặc sắc trong tiến trình lịch sử đấu tranh giữ nước của dân tộc Việt Nam, ghi đậm nét trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc. Trong đó nổi bật nhất giai đoạn 1954-1965 ở đô thị Đà Nẵng chính là đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Genève (21-7-1954) và đấu tranh đòi tự do tín ngưỡng bình đẳng tôn giáo năm 1963. Nghiên cứu đấu tranh chính trị tại đô thị Đà Nẵng (1954 - 1965) góp phần làm rõ hơn về một thời kỳ lịch sử hào hùng trong sự nghiệp đấu tranh giữ nước; về sự linh hoạt, chủ động của các giai tầng xã hội trong việc sử dụng các hình thức và biện pháp đấu tranh, khẳng định tính toàn dân trong kháng chiến chống Mỹ; về tính khoa học và sáng tạo của Đảng trong việc đề ra các chủ trương, chính sách đối với phong trào đô thị miền Nam nói chung và đô thị Đà Nẵng nói riêng

Từ khóa: Đấu tranh chính trị, Đà Nẵng 1954, Đấu tranh của Phật giáo Đà Nẵng, phong trào đô thị.

Nhận bài ngày 12.12.2023; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 26.01.2024

Liên hệ tác giả: Đinh Thị Kim Ngân; Email: kimngandtu@gmail.com

1. MỞ ĐẦU

Đà Nẵng được xác định chính xác trên bản đồ Việt Nam và thế giới, nó được định vị tại toạ độ $108^{\circ} 10'30''$ kinh tuyến Đông đến $16^{\circ}17'30''$ vĩ tuyến Bắc. Về mặt khí hậu, Đà Nẵng có hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Lượng mưa trung bình hằng năm là 2000mm, song độ chiếu nắng trong năm là tương đối lớn (nhiệt độ trung bình là 25 độ). Điều này cho thấy khí hậu Đà Nẵng tương đối phức tạp. Vùng đất của Đà Nẵng từ đèo Hải Vân cho đến Ngũ Hành Sơn, có các con sông quan trọng ăn sâu vào nội địa như: Sông Cu Đê (nay thuộc phường Hoà Hiệp, quận Liên Chiểu), sông Thanh Khê (nay thuộc quận Thanh Khê), sông Cẩm Lệ, sông Cổ Cò. Đà Nẵng có Vịnh Đà Nẵng. Theo đánh giá của các nhà hàng hải trong và ngoài nước từ xưa đến nay thì Vịnh Đà Nẵng được xem là một trong những hải cảng tốt nhất Việt Nam.

Nghiên cứu về đấu tranh chính trị nói chung trên địa bàn Đà Nẵng có một số công trình tiêu biểu phải kể đến như: Lê Cung (chủ biên), (2015), *Về phong trào đô thị miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. Công trình gồm 27 bài viết của 20 tác giả, từ người lãnh đạo cao nhất của Đảng – Tổng Bí thư Lê Duẩn, người đứng đầu “Đội quân tóc dài” – Nguyễn Thị Định, những người từng trực diện hứng chịu dùi cui, ma trắc, tù đầy như Ngô Bá Thành, Huỳnh Tấn Mẫm, Hồ Hữu Nhựt, đến các nhà nghiên cứu uy tín của các

trường đại học; đã tái hiện một bức tranh khá sống động về phong trào đô thị miền Nam năm 1954-1975.

Luận án Tiến sĩ sử học, Đại học Sư Phạm Huế của Từ Ánh Nguyệt, *Đấu tranh chính trị tại Quảng Nam- Đà Nẵng trong kháng chiến chống Mỹ từ 1954 đến 1965*. Phí Văn Thúc (2006), *Đảng lãnh đạo ĐTCT tại một số đô thị lớn miền Nam từ năm 1961 đến năm 1968*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội. Điểm chung của các công trình này là đã trình bày vị trí chiến lược của đô thị miền Nam, những âm mưu thủ đoạn của Mỹ và CQSG; quá trình Đảng lãnh đạo xây dựng, củng cố lực lượng chính trị tại Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng.

Tuy nhiên, nghiên cứu về một số cuộc đấu tranh chính trị tiêu biểu tại đô thị Đà Nẵng giai đoạn 1954-1965 thì hiện nay chưa có công trình nào. Với phương pháp phân tích, thống kê, so sánh, chứng minh, điền dã, bài viết góp phần làm rõ sự linh hoạt của việc vận dụng các phương pháp đấu tranh chính trị trong các cuộc đấu tranh, chỉ rõ mối quan hệ giữa phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị Đà Nẵng với các địa bàn lân cận.

2. NỘI DUNG

2.1. Chính sách của Mỹ và Chính quyền Ngô Đình Diệm ở đô thị Đà Nẵng giai đoạn 1954-1965

Trong giai đoạn 1954-1960, Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm dựa vào Tổng Liên đoàn lao công. Tổ chức này thu hút hầu hết các nghiệp đoàn ở miền Nam. Qua Tổng Liên đoàn lao công, chính quyền Ngô Đình Diệm đưa tư tưởng Thiên Chúa giáo xâm nhập vào tầng lớp lao động, cốt đánh bật tư tưởng cộng sản trong công nhân và chia rẽ phong trào công nhân. Ảnh hưởng của Tổng Liên đoàn Lao công ở Đà Nẵng rất lớn vì đây không những là nơi tập trung khá nhiều công nhân mà còn là nơi có rất nhiều người Thiên Chúa giáo từ miền Bắc di cư vào. Liên hiệp nghiệp đoàn Đà Nẵng do Nguyễn Văn Tấn, một đảng viên Đảng Cộng sản làm chủ tịch. Đây là tập hợp những nghiệp đoàn đã có từ trước và một số nghiệp đoàn mới được CQSG lập thêm hòng lôi kéo công nhân. Chúng bắt công nhân phải kê khai lý lịch để thăm dò thái độ của họ, nhằm thanh lọc và đưa người của chúng vào thay thế.

Trong năm 1955, chính quyền Ngô Đình Diệm triển khai các chiến dịch “tổ Cộng”. Ở Đà Nẵng, chỉ trong đợt “tổ Cộng” từ ngày 16-8-1955 đến ngày 5-9-1955, chính quyền Ngô Đình Diệm “đã tổ chức được ngót 700 buổi học tập hàng tuần với 95% số người trong đô thị tham gia”. Báo cáo tổng kết của Ban chỉ đạo công tác tổ Cộng Đô thị Đà Nẵng: “Chiến dịch tổ Cộng đợt 2 tại Đô thị Đà Nẵng từ ngày 16-8 đến 5-9-1955 đã thu được kết quả khả quan. Tất cả các cơ quan đoàn thể và nhân dân đã tổ chức những buổi lễ phát động tổ Cộng rầm rộ, hấp dẫn được rất đông đồng bào tham dự” (1).

Giai đoạn 1961-1965, nhằm tăng cường khả năng chỉ huy và tận dụng lực lượng QĐSG trong công tác “bình định”, ngày 13-4-1961, CQSG chia miền Nam làm 4 vùng chiến thuật. QN – ĐN nằm trong vùng chiến thuật I (từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi), Bộ Tư lệnh đóng tại Đà Nẵng. Đây là vùng chiến thuật mà CQSG tập trung một lực lượng quân sự khá lớn. Dưới các vùng chiến thuật là khu chiến thuật rồi tiểu khu, chi khu và phân chi khu.

Đối với thành phố, thị xã, thị trấn, CQSG tăng cường phòng thủ bằng biện pháp tăng quân bảo vệ, đóng thêm đồn bốt, thanh lọc nhân dân, cài cây gián điệp, trọng điểm là Đà Nẵng. Theo tài liệu của CQSG: “Thành phố Đà Nẵng được che chở bởi một hàng rào khu chiến quân sự. Ngoài lực lượng hải quân trong hải phận, các đơn vị lục quân, không quân đóng liên tiếp nhau bao bọc thành phố. Bên trong vành đai, lực lượng bảo an cũng có những đồn bốt trấn giữ ở các vùng xung yếu ngoại ô và đông dân. Trong lòng các khu phố, ngoài những hoạt động của các đoàn thể địa phương, còn có lực lượng dân vệ, lực lượng nhân dân vũ trang đảm trách bảo vệ trật tự và an ninh cho mỗi khu phố” (2).

Với việc không mở mang phát triển công nghiệp làm cho sản xuất công nghiệp bị đình đốn, nạn thất nghiệp thường xuyên diễn ra, riêng ở Đà Nẵng, cuối năm 1954, đầu 1955, số người thất nghiệp

lên đến 10.000 người, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, thiếu thốn, “từ giữa tháng 11-1954 trở đi, công việc làm ăn bị ngưng trệ, đời sống nhân dân đáng lo ngại là nạn thất nghiệp và mại dâm” (3).

Giống như các địa phương khác ở miền Nam, tại Đà Nẵng, CQSG thi hành chính sách phân biệt tôn giáo rõ nét. Với Thiên Chúa giáo, CQSG cho xây dựng các cơ sở, nhà thờ, nhà giảng đạo, trường học, đào tạo linh mục, hỗ trợ các phương tiện và phương pháp để thu hút nhân dân theo đạo. Chúng cho xây cất hàng loạt nhà thờ Thiên Chúa giáo như Tam Tòa, Đức Lợi, Thanh Bình, Nại Nghĩa, Nại Hiền Đông,... Ở những làng, xã trọng điểm cách mạng trong kháng chiến chống Pháp, chính quyền Ngô Đình Diệm đều cho xây nhà thờ; đồng thời, để bắt ép nhân dân vào Thiên Chúa giáo, chúng đe dọa ai không theo đạo là còn tư tưởng Việt Cộng, là vô thần, là cộng sản (4).

2.2. Chủ trương của Trung ương Đảng, Liên khu ủy V và Đảng bộ địa phương đối với đấu tranh chính trị giai đoạn 1954-1965

2.2.1. Chủ trương của Trung ương Đảng

Sau HĐ Genève (21-7-1954), từ ngày 5 đến ngày 7-9-1954, Bộ Chính trị họp hội nghị bàn về nhiệm vụ cách mạng miền Nam. Bộ Chính trị đã phân tích rõ đặc điểm nổi bật của nước ta sau HĐ Genève, trong đó hai đặc điểm lớn nhất ảnh hưởng đến toàn bộ nhiệm vụ, chính sách của Đảng là nước ta chuyển từ chiến tranh sang hòa bình và Nam – Bắc tạm thời chia cắt làm hai miền. Từ đó Hội nghị xác định để quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm đang mưu tính phá hoại HĐ Genève và cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chuyển từ ĐTVT sang ĐTCT. Nhiệm vụ của Đảng ở miền Nam lúc này là: *“Lãnh đạo nhân dân đấu tranh thực hiện HĐ đình chiến, củng cố hòa bình, thực hiện tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, thực hiện thống nhất và tranh thủ độc lập. Đồng thời phải lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống những hoạt động khủng bố, đàn áp, phá cơ sở ta, bắt bớ cán bộ ta và quân chúng cách mạng, chống những hoạt động tiến công của địch, giữ lấy quyền lợi quân chúng đã giành được trong thời kỳ kháng chiến, nhất là vùng căn cứ địa và du kích của ta”* (5).

Trước tình hình CQSG công khai “tố Cộng” ở miền Nam, Ban Chấp hành Trung ương Đảng triệu tập hội nghị lần thứ 7 (mở rộng) từ ngày 3 đến ngày 12-3-1955; hội nghị khẳng định: *“Đế quốc Mỹ là kẻ thù trước mắt, đầu sỏ và nguy hiểm nhất. Đối với miền Nam, Trung ương chỉ ra là giữ vững và đẩy mạnh cuộc ĐTCT của nhân dân, tuy còn phải lâu dài, gian khổ, phức tạp nhưng nhất định sẽ thắng lợi”*. Khẩu hiệu hành động lúc này của nhân dân ta là: *“Củng cố hòa bình thực hiện thống nhất độc lập”* (6).

Giữa năm 1963, phong trào Phật giáo miền Nam bùng phát mạnh mẽ và CQSG thẳng tay đàn áp. Ngày 22-8-1963, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra tuyên bố kịch liệt phản đối CQSG và kêu gọi: *“Tín đồ Phật giáo cũng như nhân dân các đô thị kiên quyết giữ vững tinh thần, giữ vững đội ngũ, giữ vững đấu tranh... Tinh thần bất khuất trước sau vẫn là vũ khí bất khả chiến thắng của chúng ta. Với ý chí và tinh thần ấy, chúng ta sẽ làm Mỹ - Diệm thất bại nhục nhã”* (7).

Sau khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ (1-11-1963), trên cơ sở nhận định tình hình miền Nam, Trung ương Đảng chỉ rõ nhiệm vụ trước mắt của cách mạng là: *“Phát triển mạnh mẽ hơn nữa ý thức giác ngộ chính trị của nhân dân, phá phần lớn các ACL, làm chủ vùng rừng núi và phần lớn xã thôn vùng đồng bằng, tạo điều kiện cho phong trào quần chúng đô thị nổi dậy, đẩy chế độ Mỹ và tay sai đến chỗ khủng hoảng sâu sắc và mau suy sụp hơn”* (8).

2.2.2. Chủ trương của Liên khu ủy V và Đảng bộ địa phương

Từ ngày 18 đến ngày 21-10-1954, Liên Khu ủy V triệu tập Hội nghị Đảng bộ Liên Khu. Trên cơ sở phân tích tình hình, đặc điểm trước và sau HĐ, Hội nghị chỉ ra âm mưu của Mỹ và CQSG đối với cách mạng miền Nam nói chung và Liên Khu V nói riêng, Hội nghị đề ra phương châm công tác của Liên Khu ủy V là: *“Kết hợp công tác hợp pháp và không hợp pháp. Hết sức lợi dụng*

mọi khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp mà tuyên truyền, cổ động, giáo dục quần chúng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh nhưng phải khéo công tác, khéo che dấu lực lượng, không chủ quan khinh địch. Đẩy mạnh công tác thành thị, giữ vững và phát triển cơ sở nông thôn, đặc biệt là cơ sở vùng căn cứ du kích và vùng du kích cũ. Đối với các đoàn thể quần chúng thì lấy tổ chức hợp pháp và nửa hợp pháp làm chính, còn Đảng thì lấy tổ chức không hợp pháp làm chính” (9).

Tháng 1-1960, Liên Khu ủy V ra Nghị quyết về nhiệm vụ trong thời gian tới: *“Quyết tâm giữ vững, khôi phục và phát triển vững chắc phong trào quần chúng đồng bằng, góp phần bảo vệ xây dựng căn cứ địa cách mạng miền núi; hết sức chú trọng công tác thành phố, kiên trì mở rộng cơ sở và ĐTCT; tích cực mở rộng mặt trận chống Mỹ Diêm; ra sức xây dựng kinh tế, xây dựng phát triển LLVT, xúc tiến công tác binh vận tiến tới xây dựng khối công nông binh liên hợp, ...” (10).*

Dưới sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, Liên khu ủy V, đầu tháng 8-1954, Tỉnh ủy QN - ĐN triệu tập Hội nghị mở rộng tại Chiên Đàn (nay thuộc xã Tam An, huyện Phú Ninh) để quán triệt tình hình và nhiệm vụ mới cho cán bộ, đảng viên. Căn cứ vào đặc điểm tình hình của tỉnh, Hội nghị quyết định: *“Mở đợt tuyên truyền đường lối của Đảng đến cán bộ, nhân dân, làm cho cán bộ nhân dân hiểu rõ thắng lợi của HĐ Genève và nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới nhằm tạo ra khối đoàn kết để đối phó với các âm mưu, thủ đoạn của địch; sắp xếp tổ chức Đảng, chuyển hướng hoạt động cho phù hợp với tình hình mới; thi hành HĐ Genève chuyển quân tập kết đúng thời gian quy định” (11).*

Tháng 1-1963, Đại hội Tỉnh Đảng bộ Quảng Đà tại làng Đào, huyện Đông Giang. Đại hội chủ trương: *“Mở ra và giành quyền làm chủ ở nông thôn, thực hiện phương châm và quyết định những giải pháp cụ thể nhằm đưa phong trào của thành phố Đà Nẵng và thị xã Hội An phục hồi, phát triển lên nhanh” (12).* Đại hội quyết định cắt thôn Trung Lương, Lỗ Giáng thuộc xã Hòa Xuân và xã Hòa Thắng của huyện Hòa Vang giao cho Ban Cán sự thành phố Đà Nẵng xây dựng làm bàn đạp tiếp cận thành phố. Đại hội giao cho Huyện ủy Hòa Vang và Huyện ủy Điện Bàn cung cấp cán bộ, cơ sở hợp pháp và địa bàn để Ban Cán sự Đà Nẵng nhanh chóng tiếp cận nội thành.

2.3. Một số cuộc đấu tranh chính trị tiêu biểu

Là một bộ phận của chiến tranh cách mạng Việt Nam, đấu tranh chính trị đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong chiến lược đấu tranh đánh địch bằng “hai chân, ba mũi và ba vùng”. “Hai chân” là lực lượng chính trị và vũ trang, “ba mũi giáp công” chính là quân sự, chính trị và binh vận, “ba vùng chiến lược” bao gồm nông thôn rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị. Đấu tranh chính trị đã góp phần to lớn vào công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đấu tranh chính trị ở đô thị Đà Nẵng đóng vai trò to lớn đối với cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, Việt Nam. Nổi bật nhất trong giai đoạn 1954-1960 là Đấu tranh đòi thi hành HĐ Genève (21-7-1954), và giai đoạn 1961-1965 là đấu tranh đòi tự do tín ngưỡng bình đẳng tôn giáo năm 1963.

2.3.1. Đấu tranh đòi thi hành HĐ Genève (21-7-1954)

Nguyên nhân dẫn đến phong trào đấu tranh đòi thi hành HĐ Genève chính là khi đã cùng cố được quyền lực ở miền Nam, Ngô Đình Diệm bắt đầu gạt bỏ lực lượng Quốc dân đảng ở QN – ĐN ra khỏi chính quyền, Sau khi lực lượng Quốc dân đảng đầu hàng, bộ máy thống trị của CQSG lần lượt được thiết lập tại QN – ĐN từ tỉnh, huyện xuống xã thôn. Biện pháp để lập chính quyền của chúng là “sử dụng lực lượng quân sự để lập chính quyền sau đó giao cho hành chánh các cấp”. Đứng đầu tỉnh là Tỉnh trưởng do thủ tướng (sau này là Tổng thống) bổ nhiệm, có quyền lực lớn, nắm quyền chỉ huy về hành chính, tài chính và tư pháp. Đứng đầu quận là Quận trưởng do Tổng thống bổ nhiệm theo đề nghị của Tỉnh trưởng. CQSG tổ chức các liên gia, mỗi liên gia gồm 10-15 gia đình do liên gia trưởng đứng đầu. Hỗ trợ cho chính quyền các cấp là lực lượng tình báo, công an, mật vụ, công dân vụ được bố trí khắp nơi. Bảo an và Tổng đoàn dân vệ đóng ở khắp các địa phương, được huy động để đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân, tiến hành phục kích ở

những nơi mà chúng nghi ngờ có cán bộ cách mạng lui tới.

Hệ thống chính trị của chính quyền Ngô Đình Diệm được xây dựng trên nền tảng chủ nghĩa nhân vị mà Ngô Đình Nhu là kẻ chủ xướng. Và tất nhiên, Diệm đã nuốt lời về việc tổ chức Hiệp thương tổng tuyển cử, vẫn bắt lính và tạm giam người ở đồn Võ Tánh. Chính vì vậy, với truyền thống đấu tranh lâu đời, nhân dân đô thị Đà Nẵng vẫn tiếp tục đứng lên đấu tranh đòi thi hành HĐ Genève.

Sáng ngày 1-8-1954, cuộc biểu tình mừng hòa bình diễn ra, đoàn biểu tình tham gia phần đông là phụ nữ từ các khu vực Sông Đà, An Hải, Mỹ Khê, Mỹ Thị, Chợ Mới, Cẩm Lệ, Thanh Khê, các khu vực Hải Châu, Phước Ninh, Nại Hiên; đồng bào Hòa Vang thuộc các xã ven thành phố; các anh chị em công nhân khuôn vác, xích lô, chị em các chợ, số lượng người tham gia lên đến hàng ngàn người. Tài liệu CQSG tại QN – ĐN đã thừa nhận: *“Ngày ngừng bắn 1-8 và luôn một thời gian tiếp theo đã biến thành những ngày hội tung bông, mừng cuộc thắng lợi vĩ đại của 8 năm kháng chiến, ở miền quê thì treo cờ, biểu ngữ, rải truyền đơn, hội hè, họp bàn, kịch nhạc, ăn uống nghỉ ngơi, thăm viếng nhau, chúc tụng nhau, sau đó có những cuộc giải thích, học tập riêng từng nhóm, đoàn thể hoặc cho đại chúng về điều ước Genève”* (13).

Nổi bật nhất trong những cuộc đấu tranh đòi thi hành HĐ Genève là cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân tại đồn Võ Tánh². Vào 9 giờ sáng ngày 1-8-1954, đoàn người đông đảo kéo đến trước đồn Võ Tánh, đây là nơi tập trung khá đông số thanh niên mới bị bắt vào lính. Nhân dân đã xông thẳng vào đồn hạ cờ tam tài, kéo cờ đỏ sao vàng. Lính trong đồn bắn vào những người đang hạ cờ, Phùng Thị Tương hy sinh tại chỗ, Đặng Thị Trơ bị thương đưa vào cấp cứu tại bệnh viện, nhưng do vết thương quá nặng nên hi sinh sau đó 2 ngày. Chính tài liệu của CQSG thừa nhận: *“Ở Đà Nẵng, nhân dân kéo vào Thị xã, quận lỵ, đột nhập và đốt phá hậu trại vệ binh Đà Nẵng. Sự chống trả của Vệ binh làm cho một số người biểu tình chết và bị thương”* (14). Cầm phần trước hành động dã man của tay sai Ngô Đình Diệm, nhân dân xông vào đốt phá kho tàng, xe quân sự, giải thoát số thanh niên bị bắt lính, 143 xe các loại bị thiêu hủy, đồn Võ Tánh rực cháy ban ngày giữa thành phố (15). Chính quyền Ngô Đình Diệm đưa lính từ sân bay về ứng cứu, nhưng bị quần chúng ngăn lại và đốt xe ngay giữa đường.

Ngày 4-8-1954, đám tang Đặng Thị Trơ đưa từ ngã ba chợ Mới, theo đường Trưng Nữ Vương xuống đường Bạch Đằng. Hàng vạn đồng bào hàng ngũ chỉnh tề, trang nghiêm đưa đám tang, thể hiện lòng mến thương, kính trọng đối với người đã hy sinh. Đi trước quan tài là một lá triện nền đỏ, chữ trắng với dòng chữ: *“Liệt nữ Đặng Thị Trơ sống chiến đấu anh dũng, chết vẻ vang, Tổ quốc nhân dân đời đời ghi nhớ”*. Để chống cuộc biểu tình, Chính quyền Ngô Đình Diệm cho xe vòi rồng đến ngăn chặn, đám tang dừng lại ở Bến Mía³. Quan tài được bảo vệ chu đáo. Cũng như lúc chị còn nằm trong bệnh viện, đồng bào luôn luôn túc trực, không để giặc cướp xác Đặng Thị Trơ (16). Cuộc đấu tranh quyết liệt kéo dài 4 ngày (từ ngày 01 đến ngày 4-8-1954) tại đồn Võ Tánh mở đầu cho phong trào đấu tranh đòi thi hành HĐ Genève ở Đà Nẵng. Như một phản ứng dây chuyền, sau cuộc đấu tranh này, nhân dân nhiều địa phương trong tỉnh tiến hành đấu tranh chống CQSG khủng bố và đòi thi hành các điều khoản HĐ.

Trong ngày Quốc tế Lao động (1-5-1955), cùng với Sài Gòn và Huế, ở Đà Nẵng dưới sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhiều nơi tổ chức mít tinh, biểu tình đòi cải thiện đời sống, chấm dứt việc bắt bớ, trả thù và đòi hiệp thương tổng tuyển cử, đặc biệt là phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân: *“Công nhân tất cả các khu trong thành phố đều tổ chức mít tinh, biểu tình”* (17). Đây là cuộc biểu dương lực lượng đầu tiên trong ngày 1-5 của công nhân miền Nam dưới thời Ngô Đình Diệm.

Đã qua thời hạn ngày 20-7-1955, chính quyền Ngô Đình Diệm đã lộ rõ âm mưu *“không có hiệp thương tổng tuyển cử”*, phong trào đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử tiếp tục diễn ra

² Địa điểm hiện nay là Trường Trung học Phổ thông Trần Phú, thành phố Đà Nẵng

³ Nay ở đường Bạch Đằng (gần chợ Hàn), quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

mạnh mẽ, tiêu biểu là cuộc bãi công, bãi thị của nhân dân Đà Nẵng ngày 21-8-1955, tài liệu của CQSG cho biết: *“Sáng hôm đó, hai bên sông, ngoài ô, nội thành, đặc biệt các khu nhà ga, toa xe lửa, các chợ, các cầu, bến đò, các trường học, hàng vạn truyền đơn đã rải khắp, hàng vạn biểu ngữ dán các tường, hàng chục tấm băng treo chồng lên băng địch. Trước bót gác địch ở Thanh Khê, nhiều khẩu hiệu sơn kẻ trên các tường, trên bệ sà lan, sà lúp, trên các cầu, ở nơi tập trung”* (18). Về ý nghĩa cuộc đình công, bãi thị ngày 21-8-1955, Báo Quyết Tiến ngày 1-10-1955 viết: *“Cuộc đình công bãi thị ở Đà Nẵng đã có tiếng vang dội lớn. Nhân dân đã phản khởi bàn tán: càng tố Cộng thì Cộng càng làm hung. Trong công thương gia, trí thức, công chức, binh lính nhiều người phát biểu: Đòi hiệp thương, công ăn việc làm, chống khủng bố thì ai không ưng, không hiệp thương để thống nhất, chiến tranh trở lại thì chết chóc, nhất định ai cũng phản đối”* (19).

Phong trào đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử ở đô thị Đà Nẵng diễn ra dưới nhiều hình thức đấu tranh phong phú, mức độ đấu tranh ngày càng quyết liệt, được sự ủng hộ rộng rãi của mọi tầng lớp nhân dân. Tòa Đại biểu Chính phủ tại Trung Việt chỉ ra rằng: *“Việt Cộng ngoài rải truyền đơn, treo biểu ngữ, xúi dục dân chúng biểu tình”* (20).

2.3.2. Đấu tranh đòi tự do tín ngưỡng bình đẳng tôn giáo năm 1963

Nhằm tăng cường khả năng chỉ huy và tận dụng lực lượng Quân đội Sài Gòn (QĐSG) trong công tác “bình định”, ngày 13/4/1961, Chính quyền Ngô Đình Diệm chia miền Nam làm 4 vùng chiến thuật. Quảng Nam - Đà Nẵng nằm trong vùng chiến thuật I (từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi), Bộ Tư lệnh đóng tại Đà Nẵng. Đây là vùng chiến thuật mà Chính quyền Ngô Đình Diệm tập trung một lực lượng quân sự khá lớn. Dưới các vùng chiến thuật là khu chiến thuật rồi tiểu khu, chi khu và phân chi khu. Đối với thành phố, thị xã, thị trấn, Chính quyền Ngô Đình Diệm tăng cường phòng thủ bằng biện pháp tăng quân bảo vệ, đóng thêm đồn bót, thanh lọc nhân dân, cài cây gián điệp, trọng điểm là Đà Nẵng.

Theo tài liệu của Chính quyền Ngô Đình Diệm cho hay: *“Thành phố Đà Nẵng được che chở bởi một hàng rào khu chiến quân sự. Ngoài lực lượng hải quân trong hải phận, các đơn vị lục quân, không quân đóng liên tiếp nhau bao bọc thành phố. Bên trong vành đai, lực lượng bảo an cũng có những đồn bót trấn giữ ở các vùng xung yếu ngoại ô và đông dân. Trong lòng các khu phố, ngoài những hoạt động của các đoàn thể địa phương, còn có lực lượng dân vệ, lực lượng nhân dân vũ trang đảm trách bảo vệ trật tự và an ninh cho mỗi khu phố”* (21). Đà Nẵng được xem như là lá chắn thép để ngăn cản các phong trào cách mạng.

Nguyên nhân sâu xa của phong trào Phật giáo năm 1963, tại đô thị Đà Nẵng xuất phát từ những chính sách kỳ thị Phật giáo của Chính quyền Ngô Đình Diệm đã được tiến hành một cách toàn diện và có hệ thống trên tất cả các lĩnh vực, từ tư tưởng, chính trị, kinh tế - xã hội đến văn hoá giáo dục. Từ năm 1957, Đảng Cần lao nhân vị biến thành Đảng Cần lao Thiên Chúa giáo, đảng viên hầu hết là người Thiên Chúa giáo. Ở Đà Nẵng, Đảng Cần lao nhân vị phát triển đảng viên khắp các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính quyền, “hầu hết các chức vụ chủ chốt trong bộ máy chính quyền đều do đảng viên Cần lao nhân vị nắm giữ, không một cơ quan quan trọng nào mà không có đảng viên Cần lao nhân vị làm tai mắt” (22).

Bên cạnh đó, CQSG tìm mọi biện pháp để ngăn cản những hoạt động của các tôn giáo ngoài Thiên Chúa giáo, đặc biệt là Phật giáo. Chẳng hạn, Hội Phật giáo. Nguyên thủy tại Đà Nẵng xin phép mở cuộc lạc quyền thì bị CQSG ngăn cấm. Chính tài liệu của VNCH cho hay: *“v/v Hội Phật giáo Nguyên thủy tại Đà Nẵng xin mở cuộc lạc quyền”* của Đại biểu Chính phủ tại Trung Nguyên Trung Phần gửi Bộ trưởng Bộ Nội vụ của CQSG, ngày 12-10-1961 đã phản ánh điều này với nội dung: *“Tòa tôi kính phúc trình quý Bộ rõ: chiếu theo tờ trình của Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát và Công an Việt Nam Cộng hòa, Tòa tôi tưởng quý Bộ không nên cho phép mở cuộc lạc quyền này”* (23). Bên cạnh những người thân trong gia đình họ Ngô, chính quyền Ngô Đình Diệm dành cho tín đồ Thiên Chúa giáo những ưu tiên trong các hoạt động kinh tế như được quyền khai thác lâm sản trong các khu rừng quốc gia, được hưởng độc quyền về sản xuất nông sản, được hưởng phần

lớn những nguồn viện trợ của Mỹ,... Trong lúc đó, hoạt động kinh tế của tín đồ Phật giáo bị chính quyền Ngô Đình Diệm gây nhiều khó khăn trở ngại. Ở Đà Nẵng, nhiều trường hợp bị vu khống là tội phạm về chính trị, có người bị kết án tù và bị tịch thu gia sản, cũng có người bị tra tấn, đánh đập cho đến chết. Ông Vĩnh Cơ, Hội trưởng Hội Phật giáo nguyên thủy Việt Nam, một thương gia buôn bán gạo ở Đà Nẵng “đã bị Tòa đại hình sơ thẩm, ngày 28-8-1956, của chính quyền Ngô Đình Diệm kết án 10 năm khổ sai và tịch thu gia sản” (24).

Với Thiên Chúa giáo, CQSG cho xây dựng các cơ sở, nhà thờ, nhà giảng đạo, trường học, đào tạo linh mục, hỗ trợ các phương tiện và phương pháp để thu hút nhân dân theo đạo tại đô thị Đà Nẵng. CQSG cho xây cất hàng loạt nhà thờ Thiên Chúa giáo như Tam Tòa, Đức Lợi, Thanh Bình, Nại Nghĩa, Nại Hiền Đông (25),... Ở những làng, xã trọng điểm cách mạng trong kháng chiến chống Pháp, chính quyền Ngô Đình Diệm đều cho xây nhà thờ; đồng thời, để bắt ép nhân dân vào Thiên Chúa giáo, chúng đe dọa ai không theo đạo là còn tư tưởng Việt Cộng, là vô thần, là cộng sản (26).

Do đó, một số người đã cho rằng “cho đến năm 1962, có ít bằng chứng về sự ngược đãi đối với tín đồ Phật giáo, mặc dầu Diệm là tín đồ Thiên Chúa giáo nhiệt thành và sự mong muốn của Nhu là làm cho “Chủ nghĩa nhân vị” trở thành triết học nhà nước” (27). Hoặc biến cố Phật giáo là một biến cố giả tạo do những người chống đối Diệm gây ra là hoàn toàn không có cơ sở (28). Nỗi đau do chính sách kỳ thị Phật giáo do Diệm gây ra là nguyên nhân sâu xa dẫn đến những cuộc đấu tranh của Phật giáo chống Chính quyền Ngô Đình Diệm. Hơn nữa, sau sự kiện Bồ Tát Thích Quảng Đức tự thiêu, thì phong trào đấu tranh của Tăng Ni, Phật tử đô thị Đà Nẵng lại càng dâng cao.

Nguyên nhân trực tiếp của phong trào Phật giáo năm 1963 tại đô thị Đà Nẵng chính là vào 20 giờ 30 phút ngày 6/5/1963, Công điện số 9195, của Phủ Tổng thống với nội dung cấm treo cờ Phật giáo vào dịp Đại Lễ Phật đản 1963 (2507). Cấm treo cờ Phật giáo trong dịp Đại lễ Phật Đản 1963 có nghĩa là “sự đó cũng chỉ như một giọt nước cũng thừa sức làm chảy tràn một bát nước vốn đã quá đầy (29). Phong trào đấu tranh khởi nguồn từ Huế, sau đó lan sang các thành phố khác trong đó có Đà Nẵng. Vào sáng ngày 8/5/1963, tại Lễ đài chùa Từ Đàm, trước đông đảo Tăng Ni, Phật tử, giới lãnh đạo Phật giáo nêu yêu sách đòi chính quyền Ngô Đình Diệm thực thi tự do tín ngưỡng, bình đẳng tôn giáo. Đêm 8/5/1963, Chính quyền Ngô Đình Diệm gây ra vụ đàn áp đẫm máu tại Đài phát thanh Huế làm 8 Phật tử thiệt mạng⁴. Ngày 10/5/1963, Phật giáo Huế tổ chức mít tinh tại chùa Từ Đàm công bố Bản Tuyên ngôn gồm 5 nguyện vọng tối thiểu với nội dung chủ yếu là yêu cầu chính quyền Ngô Đình Diệm thực thi tự do tín ngưỡng, bình đẳng tôn giáo⁵. Giới lãnh đạo Phật giáo miền Nam đã khẳng định mục tiêu và quyết tâm đấu tranh của mình: “Chúng tôi sẵn sàng hy sinh cho đến lúc nào những nguyện vọng hợp lý trên đây được thực hiện” (30).

Ngay trong đêm 7/5/1963 một Hội nghị mật của giới lãnh đạo Phật giáo được tổ chức tại chùa Từ Đàm, Huế. Hội nghị đã đưa ra những sách lược đấu tranh với những nét đại cương như sau: “Tính chất: Thuần túy tín ngưỡng; Mục tiêu: Bình đẳng và tự do cho tín ngưỡng Phật giáo (trong phạm vi nhân quyền); Phương pháp: “Bất bạo động” (31). Tinh thần “Bất bạo động” được thể hiện rất rõ trong lời tuyên bố của Hoà Thượng Thích Tịnh Khiết, người đứng đầu trong giới lãnh đạo Phật giáo miền Nam: “Chúng tôi tiến, các đạo hữu hãy tiến theo chúng tôi để bảo vệ Chánh pháp. Chúng tôi lùi, các đạo hữu hãy khai trừ chúng tôi đi. Nếu chúng tôi bị giết, các đạo hữu hãy cầu

⁴ Gồm: Nguyễn Thị Ngọc Lan (12 tuổi), Huyền Tôn Nữ Tuyết Hoa (12 tuổi), Dương Văn Đạt (13 tuổi), Đặng Văn Công (13 tuổi), Nguyễn Thị Phúc (15 tuổi), Lê Thị Kim Anh (17 tuổi), Trần Thị Phước Trị (17 tuổi), Nguyễn Thị Yến (20 tuổi).

⁵ 5 nguyện vọng là: 1. Yêu cầu Chính phủ Việt Nam Cộng hòa thu hồi vĩnh viễn công điện triệt giáo kỳ của Phật giáo; 2. Yêu cầu Phật giáo phải được hưởng một quy chế đặc biệt như các Hội Truyền giáo Thiên Chúa đã được ghi trong Dự số 10; 3. Yêu cầu Chính phủ chấm dứt tình trạng bắt bớ, khủng bố tín đồ Phật giáo; 4. Yêu cầu cho Tăng, tín đồ Phật giáo được tự do truyền đạo và hành đạo; 5. Yêu cầu Chính phủ phải đền bồi một cách xứng đáng cho những kẻ giết oan vô tội và kẻ chủ mưu giết hại phải đền bồi đúng mức.

nguyện cho những người đã giết chúng tôi” (32). Phương pháp “bất bạo động” của phong trào bắt nguồn từ đó, giới lãnh đạo Phật giáo tại đô thị Đà Nẵng đã vận dụng phương pháp này cho phong trào Phật giáo năm 1963.

Dưới sự chỉ đạo của TW Đảng: “vùng đô thị là nơi có những cơ quan đầu não của địch, kể cả cơ quan chính quyền Trung ương của chúng, là nơi địch tập trung nhiều phương tiện thống trị và lực lượng đàn áp mạnh, nhưng cũng là nơi quần chúng tập trung đông đảo và giác ngộ chính trị khá, đã nhiều lần vùng lên đấu tranh mạnh mẽ. Phương châm hoạt động của chúng ta tại các đô thị là đấu tranh chính trị” (33) và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đã chỉ rõ: “Cuộc đàn áp đẫm máu của chính quyền phát xít Mỹ- Diệm đối với đồng bào biểu tình tay không ngày 8-5 ở Huế là một hành động tội ác tày trời không thể tha thứ được”. Mặt trận cũng tuyên bố ủng hộ năm nguyện vọng đã nêu trong bản Tuyên ngôn ngày 10/5/1963 của Tăng, Tín đồ Phật giáo miền Nam (34). Nhân dân đô thị Đà Nẵng đã đứng lên đấu tranh đòi tự do tín ngưỡng, bình đẳng tôn giáo với phương pháp “bất bạo động”, trong vòng gần 1 tháng (8/5 đến 30/5/1963), nhiều cuộc mít tinh, hội thảo, phát thanh lên án hành động dã man của chính quyền Ngô Đình Diệm được tổ chức khắp các chùa, khuôn hội Phật giáo. Nhiều biểu ngữ bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt được treo ở các chùa với nội dung “chống đàn áp Phật giáo”, “chống chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm”, lên án sự bất công, tàn bạo của chính quyền Ngô Đình Diệm (35). “Đoàn Liên hiệp Sinh viên và học sinh bảo vệ Phật giáo Đà Nẵng” kêu gọi hưởng ứng cuộc bãi khóa của sinh viên, học sinh Huế, Sài Gòn (36).

Sau hơn một tháng, giới lãnh đạo Phật giáo đô thị Đà Nẵng đã thực hiện nhiều hình thức và biện pháp “bất bạo động” nhằm nhằm thuyết phục chính quyền Ngô Đình Diệm thỏa mãn năm nguyện vọng đã đề ra, từ “Thỉnh nguyện thư”, “Rước linh” hàng tuần đến tuyệt thực, đàm phán, nhưng vẫn không lay chuyển được Chính quyền Ngô Đình Diệm. Năm nguyện vọng mà giới lãnh đạo Phật giáo đưa ra trong bản Tuyên ngôn ngày 10/5/1963 vẫn không được giải quyết. Những phương pháp “bất bạo động” được áp dụng như biểu tình, tuyệt thực bị Chính quyền Ngô Đình Diệm khinh bỏ nặng nề hơn.

Ngày 11/6/1963, tại ngã tư đường Lê Văn Duyệt - Phan Đình Phùng, Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu “cuộc hi sinh phi thường và dũng cảm của Hoà Thượng Thích Quảng Đức,... Ảnh của vị Hoà Thượng Việt Nam Thích Quảng Đức ngồi trong ngọn lửa được đăng trên hầu hết các báo năm châu, với những dòng chữ nói lên sự khâm phục” (37). Ngọn lửa Thích Quảng Đức đã chuyển mạnh phong trào Phật giáo sang một thể mới, trên cả hai bình diện quốc nội và quốc tế. Đối với Phật giáo, “cái chết vô úy của Hoà Thượng Thích Quảng Đức là hồi chuông cảnh tỉnh mọi người, một tiếng gọi đàn cho hàng tứ chúng” (38). Gương hi sinh của Hoà Thượng Thích Quảng Đức tố cáo, lên án chế độ độc tài gia đình trị của Ngô Đình Diệm, chế độ ấy phải bị đánh đổ (39).

Để tránh một cuộc nổi dậy của Phật giáo, chính quyền Ngô Đình Diệm phải chịu nhượng bộ bằng việc ký kết Thông Cáo chung với Phật giáo vào 1 giờ 30 sáng ngày 16/6/1963, thỏa mãn 5 nguyện vọng mà Phật giáo đề ra trong bản Tuyên ngôn ngày 10/5/1963. Việc ký kết Thông Cáo chung là một thắng lợi lớn của phía Phật giáo, nhưng thực chất đối với chính quyền Ngô Đình Diệm, việc ký Thông Cáo chung chỉ là một kế hoãn binh, một sự nhượng bộ tạm thời để chuẩn bị cho cuộc đàn áp quy mô lớn hơn, nhằm đè bẹp phong trào. Âm mưu này được tiết lộ trong bức mật điện số 1342/VP-TT ngày 19/6/1963, của Văn phòng phủ Tổng thống: “Để tạm thời làm dịu tình hình và khí thế đấu tranh quá quyết liệt của bọn Tăng Ni và Phật giáo phản động. Tổng thống và ông Cố vấn ra lệnh nhún nhường họ, các nơi hãy theo đúng chủ trương trên mà đợi lệnh. Một số kế hoạch đối phó thích nghi sẽ gửi đến sau; ngay từ bây giờ hãy chuẩn bị dư luận cho giai đoạn tấn công mới, hãy theo dõi, điều tra, thanh trừng những phần tử Phật giáo bất mãn và trình thượng cấp, kể cả sĩ quan và công chức cao cấp” (40). Trong một cuộc họp của 18 tướng tá vào đầu tháng 7/1963, Ngô Đình Nhu tuyên bố: “Nếu chính phủ này không giải quyết vấn đề Phật giáo, nó sẽ bị lật đổ vì một cuộc đảo chánh quân sự” (41).

Ngày 30/7/1963, nhân ngày lễ Chung thất của Hoà thượng Thích Quảng Đức, giới lãnh đạo

Phật giáo đã ra thông báo vạch rõ thực trạng xã hội miền Nam dưới chế độ Ngô Đình Diệm: “Sự suy đồi của nền đạo đức dân tộc... nền đạo giáo vẫn bị hăm dọa, quốc gia lâm vào tình trạng chia rẽ đổ nát, người làm, kẻ hưởng, nổi bất bình đạn khởi không sao kể xiết” (42). kêu gọi mọi tầng lớp đồng bào hãy đình công, bãi thị phản đối thái độ ngoan cố độc ác của chính quyền Ngô Đình Diệm đối với Phật giáo.

Tiếp tục với phương pháp “bất bạo động” nhằm hưởng ứng ngày lễ Chung thất của Hoà thượng Thích Quảng Đức, tại chùa Tỉnh hội⁶ Đà Nẵng, 09 giờ ngày 30/7/1963, hơn 200 Tăng Ni, Phật tử dự lễ cầu siêu cho Hoà thượng Thích Quảng Đức (43). Trong lúc cuộc đấu tranh của Phật giáo đang phục hồi và phát triển mạnh trên khắp miền Nam, trong đó có Đà Nẵng, Đại sứ Mỹ Frederick E. Nolting trong một cuộc trả lời phỏng vấn của Don Bakev (UPI) đã bào chữa cho chính quyền Ngô Đình Diệm rằng: “Hơn hai năm tôi sống tại Việt Nam, tôi chưa bao giờ nhận thấy dấu hiệu nào chứng tỏ có sự kỳ thị tôn giáo” (44). Những lời lẽ trái sự thật của Nolting như “đổ thêm dầu vào lửa” càng làm cho quần chúng thêm căm hận, cuộc đấu tranh đòi bình đẳng tôn giáo lại tiếp tục dâng cao.

Ngày 18/8/1963, theo lệnh của giới lãnh đạo Phật giáo, lễ cầu siêu cho tất cả các vị tử vì đạo được tổ chức trên toàn miền Nam. Tiếp tục với phương pháp “bất bạo động” là tập trung tại chùa tụng niệm cầu siêu và diễu hành, mang theo biểu ngữ. Cụ thể, 16 giờ ngày này, tại Đà Nẵng, hơn 2.000 tín đồ Phật tử đến chùa Tỉnh hội tụng niệm cầu siêu cho những Tăng Ni đã tự thiêu, sau đó diễu hành từ chùa Tỉnh hội qua đường Hoàng Diệu, Chu Văn An, Phan Chu Trinh. Khi đến chùa Tam Bảo Phật giáo nguyên thủy, một số sư tăng ở đây đã tham gia vào đoàn người diễu hành và mang theo các biểu ngữ: “Chúng tôi cực lực phản đối thái độ huyênh hoang của bà Ngô Đình Nhu đã nhục mạ các Tăng Ni”; “Chúng tôi cực lực phản đối cướp xác phi tang để trút trách nhiệm cho Phật giáo”; “Hãy chấm dứt mọi hình thức khủng bố và áp bức Phật giáo đồ”; “Chúng tôi yêu cầu chính phủ phải giữ sự thành tín đã hứa”; “Thiết tha thỉnh cầu giải quyết những nguyện vọng tiên quyết để Phật giáo tham gia ủy ban hỗn hợp” (45). Cuộc biểu tình ngày càng thu hút các tầng lớp nhân dân tham gia, Toà Thị chính Đà Nẵng cùng Toà Quân trấn Đà Nẵng ban hành lệnh thiết quân luật ngày đêm 19/8/1963 (46).

Sau hơn 3 tháng kể từ khi phong trào Phật giáo miền Nam bùng nổ, chính quyền Ngô Đình Diệm đã sử dụng mọi biện pháp nhằm đè bẹp phong trào, Tăng Ni, Phật tử bị giết và bị bắt, giam cầm ngày càng tăng; nhưng cuộc đấu tranh chính nghĩa của Phật giáo ngày càng phát triển sâu rộng. Trên thế giới, cũng như ở Việt Nam, nhân dân và chính phủ các nước không phân biệt chế độ chính trị đều hướng về cuộc đấu tranh của Phật giáo và lên án gay gắt chế độ Ngô Đình Diệm, một chế độ mà đặc điểm “là hối mại quyền thế, gia đình trị, tham nhũng, khinh miệt thuộc hạ và tàn nhẫn đối với đòi hỏi của nhân dân” (47).

Không chỉ riêng tại đô thị Đà Nẵng mà hầu hết các đô thị miền Nam, phong trào Phật giáo lên cao, lôi cuốn các tầng lớp xã hội tham gia, nhất là tại Huế và Sài Gòn. Để cứu nguy cho chế độ, chính quyền Ngô Đình Diệm đã cho thực hiện “Kế hoạch nước lũ”: “Cương quyết thanh trừng các phần tử phản bội và quá khích trong giới Tăng Ni, công chức, giáo sư, sinh viên, cũng như trong các đoàn thể nhân dân” nhằm giải quyết dứt điểm “vụ Phật giáo”. “Thời gian ấn định cho việc thực hiện xong kế hoạch là từ 21/8 đến 30/9/1963” (48).

Tại đô thị Đà Nẵng, 2 giờ sáng ngày 21/8/1963, chính quyền Ngô Đình Diệm đã áp dụng lệnh giới nghiêm, sau đó cho quân đội đồng loạt khám xét các chùa được dùng làm cơ sở đấu tranh, hàng loạt Tăng Ni, Phật tử đã bị bắt, lấy lời khai. Chính tài liệu Chính quyền Ngô Đình Diệm cho hay: “Kể từ 2 giờ sáng ngày 21 tháng 8 năm 1963, Toà Quân trấn Đà Nẵng đã thi hành lệnh giới nghiêm trong toàn thành phố, sau đó đến các cuộc khám xét các chùa Phật giáo tình nghi” (49). Sân vận động Chi Lăng, Đà Nẵng đã biến thành trại giam hơn 2.000 người⁷. Các chùa bị phong

⁶ Hiện nay Chùa tọa lạc tại đường Ông Ích Khiêm, Tp. Đà Nẵng.

⁷ Phỏng vấn ông Lê Công Cơ năm 2016, Tác giả Hồi ký “Năm tháng dâng người”, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.

toà “nội bất xuất, ngoại bất nhập” và bị khám xét.

Ngày 28/8/1963, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra tuyên bố, vạch rõ: “Gần đây, ở miền Nam Việt nam lại xảy ra thêm một tình trạng cực kỳ nghiêm trọng và đau thương. Bọn Ngô Đình Diệm đốt phá chùa chiền, khủng bố sư sãi và đồng bào theo đạo Phật. Chúng đóng cửa trường học, bắt bớ hàng loạt giáo sư, sinh viên và học sinh,... Trước tình thế ấy, đồng bào miền Nam ta đoàn kết nhất trí, không phân biệt sĩ, nông công thương, không phân biệt chính kiến, tôn giáo, kiên quyết đấu tranh để giành lại tự do dân chủ, tự do tín ngưỡng”. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Dưới ngọn cờ của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, cuộc đấu tranh chính nghĩa của đồng bào miền Nam được sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới, nhất định giành được thắng lợi” (50).

Sau “Kế hoạch nước lũ”, phong trào Phật giáo đô thị Đà Nẵng nhìn bên ngoài dường như kết thúc. Song trên thực tế, phong trào vẫn tiếp tục diễn ra, khi âm thầm khi công khai. Nhiều cuộc thuyết pháp, vạch trần tội ác của Chính quyền Ngô Đình Diệm và kêu gọi đoàn kết cùng với lực lượng Mặt trận giải phóng miền Trung Trung Bộ đấu tranh góp phần đánh đổ Chính quyền Ngô Đình Diệm. Khi cuộc đảo chính ngày 1/11/1963 diễn ra, anh em Diệm - Nhu bị giết chết. Chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm sau 9 năm thống trị miền Nam sụp đổ. Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam nói chung, phong trào đấu tranh đòi tự do tín ngưỡng, bình đẳng tôn giáo tại đô thị Đà Nẵng năm 1963 kết thúc.

3. KẾT LUẬN

Những cuộc đấu tranh chính trị tại đô thị Đà Nẵng giai đoạn 1954-1965 đã đẩy chính quyền và quân đội Sài Gòn vào thế suy yếu toàn diện, chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” của đế quốc Mỹ đang từng bước bị phá sản mà mở đầu bằng trận thua của quân đội Sài Gòn ở Ấp Bắc. Thắng lợi của cách mạng tác động sâu sắc đến nhận thức của nhân dân ta, họ nhận rõ bộ mặt bán nước của tập đoàn Ngô Đình Diệm và chính sách xâm lược của đế quốc Mỹ. Những cuộc đấu tranh chính trị liên tục diễn ra trong đó nổi bật là đấu tranh đòi thi hành HĐ Genève, cuộc đấu tranh của Phật giáo tại đô thị Đà Nẵng như đổ thêm dầu vào lửa, góp phần cùng với phong trào cách mạng miền Nam đẩy Chính quyền Ngô Đình Diệm vào con đường hoảng nghiêm trọng. Nói một cách khác, với sự đa dạng của phương pháp đấu tranh chính trị như rải truyền đơn, biểu tình, tuyệt thực,...đấu tranh chính trị tại đô thị Đà Nẵng giai đoạn 1954-1965 nói riêng, phong trào cách mạng miền Nam nói chung là yếu tố tích cực, trực tiếp góp phần quan trọng vào sự sụp đổ của chế độ độc tài Ngô Đình Diệm. Ý nghĩa cao nhất của đấu tranh chính trị là ở chỗ đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo chiến dịch tổ Cộng đô thị Đà Nẵng (1955), *Báo cáo tổng kết của Ban chỉ đạo chiến dịch tổ Cộng đô thị Đà Nẵng, Hồ sơ lưu tại phòng Nghiên cứu Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng*, tr. 1.
2. Tòa Thị chính Đà Nẵng (1963), *Tờ trình về tháng 2-1963*, TTLTQG IV, Kí hiệu hồ sơ: TNTP 5659
3. *Báo cáo tình hình Đà Nẵng sau ngày ký Hiệp định Genève*, Tài liệu lưu tại Phòng nghiên cứu Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng, Kí hiệu tài liệu 56-III-Y, tr. 9.
4. Tỉnh ủy Quảng Nam (1959), *Báo cáo tình hình toàn niên năm 1959*, Tài liệu lưu tại Phòng nghiên cứu Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng, Kí hiệu tài liệu G – III – 50, tr. 25.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Tập 15 (1954), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 308.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Tập 16 (1955), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 208.

7. Trần Bá Đệ (Chủ biên), Lê Cung, *Giáo trình Lịch sử Việt Nam, Tập VII, Từ 1954-1975*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, tr. 149.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng Toàn tập, Tập 24 (1963)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 839.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng Toàn tập, Tập 15 (1954)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 584.
10. Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân Khu 5 (2002), *Công tác Đảng, công tác chính trị, Lực lượng vũ trang Quân Khu 5 1945-1975, Biên niên, tập 2, quyển 1 (1954-1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr. 141.
11. Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng (2006), *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam – Đà Nẵng (1930-1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 365.
12. Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng (2006), *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam – Đà Nẵng (1930-1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 433.
13. Tòa Đại biểu Chính phủ tại Trung Việt (1954), *Tờ trình nguyện đề tháng 7 và tháng 8 năm 1954*, TTLTQG II, Kí hiệu hồ sơ: PTT/31713, tr. 5.
14. Tòa Đại biểu Chính phủ tại Trung Việt (1954), *Tờ trình nguyện đề tháng 7 và tháng 8 năm 1954*, TTLTQG II, Kí hiệu hồ sơ: PTT/31713, tr. 6.
15. *Lửa thiêu đồn Võ Tánh – Chuyện về chị Đặng Thị Trọ và vụ đốt đồn Võ Tánh ngày 1 tháng 8 năm 1954*, Lưu tại Phòng nghiên cứu Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng, Kí hiệu tài liệu G-66-V, tr. 3.
16. UBND thành phố Đà Nẵng (2001), *Lịch sử thành phố Đà Nẵng*, Nxb Đà Nẵng, tr. 17-19.
17. Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1996), *Lịch sử phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân lao động và hoạt động công đoàn Quảng Nam – Đà Nẵng (1954-1975)*, Nxb Đà Nẵng, tr. 23.
18. Liên Khu ủy V (1955), *Kính gửi Trung ương (Báo cáo về cuộc bãi thị ở Đà Nẵng và cuộc bãi thị ở Thừa Thiên Huế)*, Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng, Kí hiệu tài liệu: Y-III-45, tr. 1-2.
19. *Báo Quyết Tiến*, số 2, ngày 1-10-1955, TTLTQGV, Kí hiệu hồ sơ: TNTP 2399.
20. Tòa Đại biểu Chính phủ tại Trung Việt (1956), *Bản tin tức trích yếu việc hoạt động của Việt Cộng tại Quảng Nam*, TTLTQG IV, Kí hiệu hồ sơ: TNTP 2100, tr. 5.
21. Tòa Thị chính Đà Nẵng, *Tờ trình về tháng 2-1963*, Kí hiệu hồ sơ: TNTP 5659, Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. HCM.
22. UBND thành phố Đà Nẵng, *Lịch sử thành phố Đà Nẵng*, Nxb Đà Nẵng, 2010, tr.304.
23. Đại biểu Chính phủ tại TNTP gửi Bộ trưởng Bộ Nội vụ, số 940/HCM, ngày 12-10-1961, Kí hiệu hồ sơ: TNTP 5843, Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV, Tp. Đà Lạt, Lâm Đồng
24. Lê Cung, *Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963* (in lần thứ 4), Nxb Thuận Hoá, Huế, 2008, tr. 85.
25. Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng, *Lời kêu gọi*, Kí hiệu hồ sơ: TNTP 4240, Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV, Tp. Đà Lạt, Lâm Đồng. 1963, tr. 210.
26. Tỉnh ủy Quảng Nam, *Báo cáo tình hình toàn niên năm 1959*, Kí hiệu tài liệu G – III – 50, Tài liệu lưu tại Phòng nghiên cứu Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng, tr. 25.
27. R. D. Smith, *An International History of Viet Nam* (Vol II), 1987, tr. 149.
28. Nguyễn Trân, *Công và tội, Những sự thực lịch sử*, Nxb Xuân Thu, Los Alamitos, CA, USA, 1992, tr. 416.

29. Lê Cung, *Phong trào đô thị Huế trong kháng chiến chống Mỹ*, Nxb Thuận Hóa, Huế. 2001, tr. 155.
30. *Bản Tuyên ngôn của Tăng, tín đồ Phật giáo Việt Nam đọc trong cuộc mít tinh tại chùa Từ Đàm - Huế, ngày 10/5/1963*, Kí hiệu hồ sơ: SC,04-HS.8352, Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. HCM.
31. Lê Cung, *Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963*, Nxb Thuận Hoá, Huế, 2008, tr. 156.
32. Nguyệt san Liên Hoa, số ra ngày 21/9/1964, tr.104.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 24, 1963, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 884.
34. Trần Văn Giàu, *Miền Nam giữ vững thành đồng*, tập II, NXb Khoa học, Hà Nội, 1966, tr. 227.
35. *Thời kỳ đấu tranh chống Diệm - Nhu*, Kí hiệu hồ sơ: A-22-X, tài liệu lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam.
36. *Trích dịch báo Straits Times số ra ngày 9-7-1963*, Kí hiệu hồ sơ: TNTTP 1291, Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. HCM
37. Trần Văn Giàu, *Miền Nam giữ vững thành đồng*, tập II, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1968, tr. 342.
38. Diển từ của Thích Tịnh Khiết - Hội chủ Tổng Hội Phật giáo Việt Nam, sau lễ hoả thiêu nhục thân của Hoà Thượng Thích Quảng Đức, Tài liệu lưu trữ tại chùa Từ Đàm - Huế.
39. Bộ Quốc Phòng - Viện Lịch sử Quân Sự, *Lịch sử Kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975*, tập III, Đánh thắng Chiến tranh đặc biệt, Nxb Chính trị Quốc Gia, Hà Nội, 2013, tr. 311.
40. Nam Thanh, *Cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam*, Viện Hóa Đạo xuất bản, Sài Gòn, 1964, tr. 421.
41. Jerrold Schecter , *The new face of Buddha*, John Weatherhill, Tokyo, 1967, p. 197-182.
42. Lê Cung, *Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963*, Nxb Thuận Hoá, Huế,
43. Lê Duẩn, *Thư vào Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 57.
44. Quốc Tuệ, *Công cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam*, tác giả xuất bản Sài Gòn, 1964, tr. 298
45. Ty Cảnh sát Quốc gia Đà Nẵng, *Mật điện, số 470/JBT-K-W, ngày 18-8-1963*, Kí hiệu hồ sơ: TNTTP 1704, 1963, Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV, Tp. Đà Lạt, Lâm Đồng.
46. Tòa Thị chính Đà Nẵng, *Tờ trình về tháng 8-1963*, Kí hiệu hồ sơ: TNTTP 3374, 1963, Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV, Tp. Đà Lạt, Lâm Đồng.
47. Đỗ Đức Thái, *Thảm họa Việt Nam (Chính trường và Chiến trường)*, Chicago, Illinois, USA, 1985, tr. 118.
48. *Kế hoạch thanh toán vụ tranh chấp bạo động của Tổng hội Phật giáo tại Thừa Thiên*, Kí hiệu tài liệu SC.04-HS. 8466, Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. HCM.
49. Tòa Thị chính Đà Nẵng, *Tờ trình về tháng 8-1963*, Kí hiệu hồ sơ: TNTTP 3374, 1963, Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV, Tp. Đà Lạt, Lâm Đồng.
50. *Trích lời hiệu triệu của Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo*, Kí hiệu hồ sơ: ĐI 8529, Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. HCM

TYPICALLY POLITICAL STRUGGLES DA NANG URBAN AREA IN THE PERIOD 1954 - 1965

Abstract: *During the resistance war against the US to save the country (1954 - 1975), the political struggle in Da Nang urban area took place very enthusiastically, fiercely and continuously; was a sharp attack, directly destroying the enemy's lair, contributing to overthrowing the Saigon governments, from the Ngo Dinh Diem government to the Nguyen Van Thieu government,... In fact, the movement Da Nang urban area (1954 - 1965) made great contributions to the cause of liberating the South and unifying the country; is a unique feature in the historical process of the struggle to defend the country of the Vietnamese people, and deeply inscribed in the history of the struggle for national liberation. The most prominent period in the 1954-1965 period in Da Nang urban area was the struggle for implementation of the Geneva Accords and the struggle for freedom of belief and religious equality in 1963. Researching the political struggle in urban Da Nang (1954 - 1965) contributes to clarifying a heroic historical period in the struggle to defend the country; about the flexibility and initiative of social strata in using forms and measures of struggle, affirming the national character in the resistance war against the US; about the Party's scientific and creative nature in setting out guidelines and policies for the Southern urban movement in general and Da Nang urban area in particular.*

Key words: *Political struggle, Da Nang 1954, Da Nang Buddhist struggle, urban movement.*